

Số: **1276**/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **15** tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do GPMB để xây dựng tuyến đường Quốc lộ 19, đoạn đường quy hoạch đi qua Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 908/TTr-STNMT ngày 09/5/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do GPMB để xây dựng tuyến đường Quốc lộ 19, đoạn đường quy hoạch đi qua Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 1) tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 4.388.693.300 đồng (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn, ba trăm đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường cho Tòa Giám mục Quy Nhơn (kể cả giá trị bồi thường về đất các hộ dân tự nguyện giao lại cho Tòa Giám mục): 1.770.591.300 đồng;
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân: 2.523.049.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 86.053.000 đồng (đã bao gồm phí thẩm định phương án bồi thường 8.605.000 đồng, trong đó có phí thẩm định của Sở TN&MT là 6.024.000 đồng).

Điều 2. Giao Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Trưởng ban Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất; Tổ chức và các hộ dân có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Ban Tôn giáo;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, K7.

Anh

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Thanh Thắng

Phụ lục

Giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do GPMB để xây dựng tuyến đường Quốc lộ 19, đoạn đường quy hoạch đi qua Khu Đô thị -Thương mại Bắc sông Hà Thanh tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 1)

(kèm theo Quyết định số **1276** /QĐ-UBND ngày **15** tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

Số T T	Họ và tên	Địa chỉ	Số thửa đo mới	DT đất bồi thường (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Tổng cộng
					Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất	Đất đắp bờ bao	
(a)	(b)	(c)		(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (2) + (3) + (4)
A	GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CHO TÒA GIÁM MỤC QUY NHƠN (I + II + III + IV)			30.282,9	1.756.408.200	0	14.183.100	1.770.591.300
I	Giá trị bồi thường về đất đối với diện tích đất trong sổ địa chính đứng tên nhà thờ Đông Định, các hộ dân đang sử dụng canh tác (Theo BD địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 48)			3.937,2	228.357.600	0	0	228.357.600
II	Giá trị bồi thường về đất các hộ dân tự nguyện giao lại cho Tòa Giám mục Quy Nhơn đối với diện tích đất các hộ dân đang sử dụng, Tòa Giám mục Quy Nhơn chưa chứng minh được là đất của Tòa Giám mục, (Theo BD địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 18, 19 - tờ bản đồ số 32)			21.299,6	1.235.376.800	0	0	1.235.376.800
1	Thửa đất số 18 - tờ bản đồ số 32 (BD địa chính đo đạc năm 1997)			11.843,1	686.899.800	0	0	686.899.800
2	Thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 32 (BD địa chính đo đạc năm 1997)			7.174,8	416.138.400	0	0	416.138.400
3	Diện tích đất các hộ dân đã nhận chuyển nhượng từ các hộ khác, (Theo BD địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 32)			2.281,7	132.338.600	0	0	132.338.600
III	Giá trị bồi thường về đất đối với diện tích đất ao hào chung			5.046,1	292.673.800	0	0	292.673.800
IV	Giá trị bồi thường khối lượng đất đắp bờ bao				0	0	14.183.100	14.183.100
B	GIÁ TRỊ HỖ TRỢ VỀ ĐẤT CHO CÁC HỘ DÂN (I + II)			25.236,8	0	2.523.680.000	0	2.523.680.000

Am

I	Hỗ trợ về đất đối với diện tích đất trong sổ địa chính đứng tên nhà thờ Đông Định, các hộ dân đang sử dụng cạnh tác (Theo BĐ địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 48)			3.937.2	0	393.720.000	0	393.720.000
1	Hồ Thị Quyết	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình		1.362.2	0	136.220.000	0	136.220.000
2	Võ Ngọc Thân	Tổ 32, KV4, P. Nhơn Bình		742.5	0	74.250.000	0	74.250.000
3	Nguyễn Văn Tứ	KV 4, P. Nhơn Bình		1.832.5	0	183.250.000	0	183.250.000
II	Hỗ trợ về đất đối với diện tích đất các hộ dân đang sử dụng, Tòa Giám mục Quy Nhơn chưa chứng minh được là đất của Tòa Giám mục (Theo BĐ địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 18, 19 - tờ bản đồ số 32)			0	21.299,6	0	2.129.960.000	0
a	Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 32 (Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 1997)			11.843,1	0	1.184.310.000	0	1.184.310.000
1	Nguyễn Văn Châu, vợ Phạm Thị Lan	Tổ 29, KV 4, P. Nhơn Bình	22	266.9	0	26.690.000	0	26.690.000
2	Nguyễn Văn Phước	Tổ 29, KV 4, P. Nhơn Bình	23	2.040.7	0	204.070.000	0	204.070.000
3	Võ Ngọc Thanh	Tổ 29, KV 4, P. Nhơn Bình	24	1.484.7	0	148.470.000	0	148.470.000
4	Phan Thị Mai	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	25 và 37	747.3	0	74.730.000	0	74.730.000
5	Trần Đình Toán	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	26	674.8	0	67.480.000	0	67.480.000
6	Hồ Thị The	Tổ 25, KV 3, P. Nhơn Bình	27	993.5	0	99.350.000	0	99.350.000
7	Võ Hữu Lợi	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	28 và 39	1.467.4	0	146.740.000	0	146.740.000
8	Võ Ngọc Bảy	Tổ 29, KV 4, P. Nhơn Bình	29	89.4	0	8.940.000	0	8.940.000
9	Huỳnh Thị Út	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	38	710.8	0	71.080.000	0	71.080.000
10	Nguyễn Lúc, vợ Nguyễn Thị Kịch	Tổ 25, KV 3, P. Nhơn Bình	40	469.0	0	46.900.000	0	46.900.000
11	Trần Thị Bảy	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	41	584.1	0	58.410.000	0	58.410.000
12	Trương Thị Phùng	Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	42	561.2	0	56.120.000	0	56.120.000
13	Huỳnh Ngọc Khoa	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	43	618.7	0	61.870.000	0	61.870.000
14	Võ Ngọc Đạt	Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	44	1.134.6	0	113.460.000	0	113.460.000
b	Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 32 (Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 1997)			7.174.8	0	717.480.000	0	717.480.000
1	Trần Thị Xưa	Tổ 29, KV 4, P. Nhơn Bình	51	1.295.0	0	129.500.000	0	129.500.000
2	Phạm Hữu Đức	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	52	747.8	0	74.780.000	0	74.780.000
3	Võ Văn Lộc	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	53	632.4	0	63.240.000	0	63.240.000

4	Lê Văn Quởn, vợ Huỳnh Thị Ngọc Liên	Tổ 8, KV 2, P. Đống Đa	54	314.6	0	31.460.000	0	31.460.000
5	Hồ Thị Thành	Tổ 30, KV 4, P. Nhơn Bình	55	90.0	0	9.000.000	0	9.000.000
6	Trần Văn Hay	Tổ 15, KV 3, P. Nhơn Bình	56	2.2	0	220.000	0	220.000
7	Huỳnh Xuân Đề	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	57	589.6	0	58.960.000	0	58.960.000
8	Trần Thị Men	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	58	644.8	0	64.480.000	0	64.480.000
9	Nguyễn Minh Vũ	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	59	623.0	0	62.300.000	0	62.300.000
10	Trần Văn Nhất, vợ Nguyễn Thị Thanh	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	60	578.1	0	57.810.000	0	57.810.000
11	Lê Văn Tuấn	Tổ 30, KV 4, P. Nhơn Bình	61	582.8	0	58.280.000	0	58.280.000
12	Đỗ Cao Nhưng	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	62	598.8	0	59.880.000	0	59.880.000
13	Phạm Sỹ Đại, vợ Trần Thị Hải	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	63	475.7	0	47.570.000	0	47.570.000
c	Diện tích đất các hộ dân đã nhận chuyển nhượng từ các hộ khác, (Theo BĐ địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 32)			2.281.7	0	228.170.000	0	228.170.000
1	Nguyễn Thanh Dũng	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	48	60.6	0	6.060.000	0	6.060.000
2	Trần Thị Thu Vân	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	49	632.8	0	63.280.000	0	63.280.000
3	Nguyễn Đắc Tấn	Tổ 54, KV 7, P. Nhơn Bình	50	1.356.8	0	135.680.000	0	135.680.000
4	Võ Ngọc Thân	Tổ 32, KV4, P. Nhơn Bình	64	212.0	0	21.200.000	0	21.200.000
5	Trần Thị Hiền	Tổ 30, KV 4, P. Nhơn Bình	65	19.5	0	1.950.000	0	1.950.000
C	BỔ SUNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐÁP BỒI BAO CHO HỘ LÊ VĂN TRANG				0	0	8.369.000	8.369.000
1	Lê Văn Trang	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình			0	0	8.368.920	8.368.920 (lấy tròn: 8.369.000)
D	Tổng cộng giá trị BT, HT: (A + B + C)							4.302.640.300

Am